

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮKLĂK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 26/2019/DSST

Ngày 05- 7-2019

“V/v: T/C hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR, TỈNH ĐẮK LĂK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Cảnh.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Nguyễn Văn Mạnh.

2/ Bà H Lum Niê.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Vũ Đức Đuống - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Cum'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cum'gar tham gia phiên tòa:*
Bà Hoàng Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cum'gar, tỉnh Đắk Lắk; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 164/2019/TLST-DS, ngày 09/5/2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/ QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Hiền L – Có mặt

Địa chỉ: 01 Ama J, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đ.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc K – Có mặt

Địa chỉ: 34 Y N, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Cao Thị L - Vắng mặt

Địa chỉ: 34 Y N, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn:* Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hồ Thị Hiền L trình bày:

Giữa gia đình tôi và vợ chồng ông Nguyễn Quốc K, bà Cao Thị L (*viết tắt ông K, bà L*) là chỗ quan hệ quen biết, nên vào ngày 06/01/2019 vợ chồng ông K, bà L có vay của tôi số tiền là 170.000.000 đồng, khi vay hai bên có làm hợp đồng

vay, vì là chỗ quan hệ quen biết tin tưởng lẫn nhau nên tôi chỉ yêu cầu một mình ông K ký giấy vay, lãi suất thỏa thuận miệng, thời hạn trả nợ là 02 tháng kể từ ngày vay, mục đích vay theo ông K nói là để đảo hạn ngân hàng. Để làm tin ông K có giao cho tôi giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất số **CM 646677**, thửa số **182**, tờ bản đồ số **33**, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 28/6/2019 đứng tên ông Nguyễn Quốc K và bà Cao Thị L (*sổ gốc*)

Đến hạn trả nợ, ông K chỉ trả cho tôi được 50.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi, số tiền gốc còn lại 120.000.000 đồng, mặc dù tôi đòi rất nhiều lần và gia đình ông K bán rất nhiều đất có tiền nhưng vẫn không chịu trả cho tôi. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Quốc K và bà Cao Thị L phải trả dứt điểm cho tôi số tiền nợ gốc còn lại là 120.000.000đ, tôi không yêu cầu tính lãi mà chỉ tính lãi trong giai đoạn thi hành án.

Về án phí DSST: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Quốc K trình bày:

Tôi và bà Hồ Thị Hiền L là chỗ quan hệ quen biết với nhau, nên vào ngày 06/01/2019 tôi có vay của bà L số tiền là 170.000.000 đồng, khi vay hai bên có làm hợp đồng, tôi có ký xác nhận bên vay tiền, không ghi lãi suất vào giấy vay mà chỉ thỏa thuận lãi suất miệng, thời hạn trả nợ là 02 tháng kể từ ngày vay, khoản tiền trên tôi vay để cho người bạn tôi vay lại. Để làm tin tôi có giao cho bà L giữ 01 giấy chứng nhận QSD đất số **CM 646677**, thửa số **182**, tờ bản đồ số **33**, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cấp ngày 28/6/2019, đứng tên tôi và vợ tôi là Cao Thị L (*sổ gốc*).

Tính đến thời điểm này tôi đã trả cho bà L được hai lần với số tiền là 60.000.000 đồng tiền gốc, số tiền nợ gốc còn lại tôi xác định còn nợ bà L là 110.000.000 đồng. Vì điều kiện hoàn cảnh khó khăn, tiền tôi cho bạn vay chưa lấy được nên chưa có tiền trả cho bà L như thỏa thuận. Nay vợ chồng tôi có nguyện vọng được cản trừ thửa đất mà bà L đang giữ giấy chứng nhận QSD đất của vợ chồng tôi để trả vào số nợ cho bà L.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Cao Thị L trình bày:

Tôi là vợ ông Nguyễn Quốc K, tôi thừa nhận vào ngày 06/01/2019 chồng tôi có vay của bà L số tiền là 170.000.000 đồng. Khi vay hai bên có làm hợp đồng chồng tôi có ký giấy vay và chúng tôi có giao cho bà L giữ 01 giấy chứng nhận QSD đất số **CM 646677**, thửa số **182**, tờ bản đồ số **33**, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 28/6/2019 đứng tên vợ chồng tôi là Nguyễn Quốc K và Cao Thị .

Tính đến nay chúng tôi đã trả cho bà L được số tiền 60.000.000 đồng tiền gốc. Vì điều kiện hoàn cảnh khó khăn nên chưa có tiền trả cho bà L như thỏa thuận. Nay vợ chồng tôi xin cản trừ thửa đất mà bà L đang giữ bìa đỏ để trả vào số nợ cho bà L.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân thủ các quy định của Bộ tổ tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, cũng như những người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- *Đối với Thẩm phán:* Trong quá trình chuẩn bị xét xử; Thẩm phán đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

- *Đối với Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:* Tuân thủ đúng, đầy đủ quy định của BLTTDS.

- *Đối với đương sự:*

+/ *Nguyên đơn:* Thực đã hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 BLTTDS.

+ *Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Thực hiện chưa đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 72; điều 73 BLTTDS.

* *Về nội dung vụ án:*

Về quan hệ pháp luật tranh chấp, đây là quan hệ về tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, quy định tại điều Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Cụ thể vào ngày 06/01/2019 ông K có vay của bà L số tiền là 170.000.000 đồng, khi vay hai bên có viết giấy vay ông K ký giấy vay, thời hạn trả nợ là 02 tháng kể từ ngày vay. Đến hạn trả nợ vợ chồng ông K chỉ trả được số tiền 60.000.000 đồng, số còn lại không trả nên bà L đã khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu trả nợ với số tiền gốc là 120.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Việc vay mượn tiền giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Đến hạn trả nợ người vay không trả được nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Tại phiên tòa phiên tòa hai bên đồng ý với số nợ gốc là 120.000.000 đồng, bà L không yêu cầu tính lãi suất.

Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử; Áp dụng khoản 2 Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc ông Nguyễn Quốc K có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị Hiền L số tiền còn nợ là 120.000.000 đồng.

Bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục: Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cần thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 70; Điều 72; Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì

vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Giữa ông K và bà L có ký hợp đồng vay tiền với nhau là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, do không trả được nợ đúng hạn nên đã phát sinh quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về nội dung*: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ đã thu thập và có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 06/01/2019 ông K có vay của bà L số là 170.000.000 đồng, việc vay nợ giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, giữa hai bên có lập hợp đồng vay tiền với nhau, ông K có ký giấy vay, lãi suất thỏa thuận miệng, thời hạn trả nợ là 02 tháng. Để làm tin ông K có giao cho bà L 01 giấy chứng nhận QSD đất số **CM 646677**, thửa số **182**, tờ bản đồ số **33**, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 28/6/2019 đứng tên ông Nguyễn Quốc K, bà Cao Thị L (**bìa đỏ góc**). Như vậy đây là giao dịch dân sự được quy định trong Bộ luật dân sự, thông qua hợp đồng vay tài sản, quy định tại Điều 463 Bộ Luật dân sự. Đến hạn trả nợ ông K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay, được quy định tại điều 466 Bộ Luật dân sự.

Tại phiên tòa; nguyên đơn bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; yêu cầu ông K và bà Cao Thị L phải có nghĩa vụ trả cho bà khoản tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi suất. Về phía ông K, bà L quá trình giải quyết vụ án cũng thừa nhận có vay của bà L số tiền 170.000.000 đồng để cho bạn vay lại, quá trình trả nợ ông K, bà L đã trả cho bà L được 03 lần tiền, cụ thể: ngày 01/02/2019 trả 50.000.000 đồng tiền gốc có ghi giấy và hai lần trả mỗi lần 10.000.000 đồng, trong đó có 01 lần ghi giấy vào ngày 05/03/2019 là tiền gốc và một lần không nhớ rõ ngày tháng và không ghi giấy là tiền lãi và một lần trả 3.000.000 đồng tiền lãi trả cho chồng bà K. Tại phiên tòa, cả ông K và bà L đều thống nhất khoản tiền gốc còn lại là 120.000.000 đồng, về phía ông K xin trả khoản nợ trên trong thời hạn là một tháng nếu ông K bán được đất nhưng bà L không đồng ý mà yêu cầu vợ chồng ông K phải trả dứt điểm khoản tiền nợ nói trên, bà L không yêu cầu tính lãi suất mà chỉ yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án.

Về nghĩa vụ trả nợ: Tại giấy vay tiền đề ngày 06/01/2019 mặc dù chỉ một mình ông K ký giấy vay. Tuy nhiên theo nguyên đơn thì khoản tiền trên bị đơn vay để đáo hạn ngân hàng, về phía bà Cao Thị Lệ cũng biết việc vay nợ nói trên và đồng ý cùng ông K trả nợ cho bà L. Vì vậy cần buộc cả ông K và bà L cùng có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp.

Từ những căn cứ và phân tích nói trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc vợ chồng ông K và bà L có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQHĐTP-TANDTC, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân tối cao để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

Sau khi ông K, bà L trả xong nợ thì bà L có nghĩa vụ trả lại cho ông K, bà Lê giấy chứng nhận QSD đất số **CM 646677**, thửa số **182**, tờ bản đồ số **33**, đứng tên ông K, bà L mà hiện tại bà L đang giữ.

** Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đ.

Bị đơn ông K, bà L phải nộp 6.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Cụ thể án phí dân sự sơ thẩm được tính như sau:

120.000.000 đồng x 5% = 6.000.000 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 280; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Hiền L.

Buộc ông Nguyễn Quốc K và bà Cao Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị Hiền L số tiền còn nợ là 120.000.000 đồng (*một trăm hai mươi triệu đồng chẵn*).

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQHĐTP-TANDTC, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân tối cao để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

**** Về án phí DSST:***

Trả lại cho bà Hồ Thị Hiền L khoản tiền 3.157.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số AA/2017/0013881, ngày 04/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đ.

Ông Nguyễn Quốc K và bà Cao Thị L phải nộp 6.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự “.

*** Nơi nhân:**

- VKSND tỉnh Đ;
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện C;
- CCTHA huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VPCQ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Cảnh